

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 07/2017DS-ST

Ngày 07/9/2017.

V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Vũ Tân Thịnh.
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Cường và ông Đào Xuân Thịnh.
- *Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Ngọc Oanh - Thư ký Toà án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2017/TLST-KĐTS ngày 09 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp Kiện đòi tài sản; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXX- ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Chí L, sinh năm 1952; (có mặt)
STQ: Tiểu khu 5, thị trấn N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- **Đồng bị đơn:** Anh Ngụy Phan N, sinh năm 1979; (có mặt)
Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; (có mặt)

Đều STQ: Thôn P, xã M, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nguyên đơn ông Phạm Chí L trình bày: Ông và bố mẹ đẻ anh Ngụy Phan N có quan hệ thông gia (con dâu ông là em ruột anh N).

Ngày 30/01/2007 vợ chồng anh Ngụy Phan N, chị Nguyễn Thị H có lên nhà ông hỏi vay số tiền 14.000.000 đồng để nộp tiền cho chị H làm hồ sơ thủ tục đi xuất khẩu lao động sang Nga nên ông đã đồng ý. Giấy biên nhận viết ngày 30/01/2007, do anh N tự viết, trong đó ghi anh N vay của ông 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng chẵn), lãi xuất 1,2%/tháng, thời gian vay là 10 tháng, có chữ ký của anh N và chị H.

Khi gần đến hạn trả nợ, khi đó ông đang nằm viện điều trị bệnh tại Hà Nội thì anh N chủ động điện thoại cho ông, nói là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn chưa có để trả nên gia hạn nợ, ông đồng ý và yêu cầu anh N viết giấy gia hạn nợ và đưa cho con ông (Phạm Trí D). Khi ra viện, con ông đưa cho ông, ông xem thì biết giấy

gia hạn nợ anh N ghi ngày 28/10/2006 (thực chất là do anh N ghi nhầm năm vì khi vay là ngày 30/01/2007 hạn 10 tháng trả thì đến hạn là 30/10/2007) và trong giấy này cũng thể hiện anh N xin ra hạn trả nợ thêm một năm nữa. Đến hạn ông đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh N lần tránh và chỉ nói khi nào chúng cháu có thì sẽ trả ông, thậm trí còn có những lời lẽ xúc phạm ông.

Đến nay thời gian đã kéo dài 10 năm nhưng vợ chồng anh N không trả ông. Việc anh N và chị H cho rằng ông làm môi giới cho chị H đi Nga là không đúng, thực tế khi đó ông định cho con ông đi Nga và đã làm mọi thủ tục và chuẩn bị tiền đầy đủ cho con ông đi nhưng đến phút trót thì con ông không đi nữa nên anh N và chị H nói nhường xuất đó cho chị H, do vợ chồng anh N không đủ tiền nên đã vay ông 14.000.000đ như trên đã trình bày. Ông không môi giới cũng như làm thủ tục hay hợp đồng gì với anh N, chị H trong việc đi lao động xuất khẩu như anh N, chị H đã trình bày. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án buộc anh N và chị H có trách nhiệm trả ông số tiền đã vay và lãi xuất đã thỏa thuận 1,2% /tháng. Song tại phiên hòa giải ngày 25/8/2017 và tại phiên tòa ông không yêu cầu anh N, chị H phải trả lãi suất đối với số tiền trên.

Anh Ngụy Phan N và chị Nguyễn Thị H trình bày: Đầu năm 2007, ông Phan Chí L có môi giới cho chị Nguyễn Thị H đi xuất khẩu lao động sang Nga, để làm việc tại công ty may Liva ở trên thành phố Matxcova mà ông L đã từng đưa một số người sang trước đó. Ông L nói lương tháng là 1000 USD/tháng, ông L nhận tiền của anh, chị và chịu trách nhiệm làm thủ tục giấy tờ, hợp đồng lao động dài hạn và hợp pháp, nếu sai ông L chịu trách nhiệm hoàn toàn phí tổn và trả lại tiền cho vợ chồng anh, chị. Vì là chỗ người nhà và khi đó ông L đang làm ở phòng Lao động của huyện nên anh, chị tin tưởng không viết giấy tờ gì mà chỉ cam kết bằng miệng. Anh, chị đã đưa cho ông Luyện số tiền là 22.000.000 đồng lệ phí nhưng ông Luyện nói vẫn còn thiếu nên ông bắt vợ chồng anh chị viết giấy nhận nợ số tiền 14.000.000 đồng mà không đưa tiền mặt cho anh, chị. Khi đó do anh, chị khó khăn nên cứ ký cho xong để đi, tuy nhiên sau đó chị H sang Nga thì lại không đúng như lời ông L nói ở nhà, ông không đưa vào công ty Liva để làm việc mà lại đưa ra ngoại thành Matxcova, khi làm việc lúc nào cũng có công an vào đuổi bắt. Vì giấy tờ của chị H là không hợp pháp.

Thấy không ổn, anh N có lên nói với ông L sự việc trên, ông L nói cứ làm tạm thời ở đó đi sau ông khác lo lên công ty Liva dần. Chị H làm việc được gần 2 tháng sống chui lủi, tính mạng lúc nào cũng bị đe dọa, làm việc cả ngày, cả đêm ăn uống thì thất thường, lương tháng không có. Anh N có lên nói với ông L nếu ông không chuyển chị H sang làm việc tại công ty Liva thì đưa chị H về nước nhưng ông nói hết trách nhiệm.

Sau khi chị H về nước, anh, chị có lên nói với ông L là ông không nói đúng như ban đầu thì hoàn trả lại số tiền, nhưng ông không trả và còn đòi số tiền mà ông bắt vợ chồng ký vay là 14.000.000 đồng.

Do ông L có quan hệ thông gia với gia đình anh chị nên anh, chị bỏ qua mọi chuyện, sau đó do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng anh đi vào Nam làm kinh tế

để lấy tiền trả nợ, ông L biết được và cho người đe dọa chặn đường đánh anh và bắt anh viết giấy nhận nợ lại. Vì lúc đó bí bách anh mang theo con nhỏ nên ký cho xong để đi.

Nay anh, chị xác định do ông L đưa chị H sang Nga không đúng công việc đã thỏa thuận, không có giấy tờ hợp pháp nên phải sống chui lủi và được 02 tháng phải về nước, nên anh, chị không đồng ý trả số tiền trên.

Tại phiên tòa hôm nay các bên vẫn giữ nguyên quan điểm trên.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 Điều 48 và khoản 4 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc công khai trực tiếp bằng lời nói theo Điều 51, 225 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều Điều 429, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, 147, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bị đơn phải trả nguyên đơn 14.000.000 đồng.

Án phí: Vụ kiện xảy ra là do lỗi của bị đơn, do vậy bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thời hiệu khởi kiện và xác định tranh chấp: Căn cứ Giấy biên nhận ngày 30/01/2007 được xác lập giữa ông Phạm Chí L với anh Ngụy Phan N và chị Nguyễn Thị H thì đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, thời hạn trả nợ (kể cả gia hạn) là ngày 30/10/2008.

Thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự đối với hợp đồng dân sự là ba năm kể từ ngày người yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, tức là ngày 30/10/2011 nhưng đến ngày 09/5/2017 ông Phạm Chí L mới khởi kiện tại tòa án.

Như vậy, theo quy định trên thì thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay tài sản đã hết nên tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp kiện đòi tài sản cho vay, nghĩa là tòa án chỉ xem xét giải quyết số tiền cho vay (tiền gốc) trong hợp đồng vay tài sản và không tính lãi theo hợp đồng vay tài sản.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện của ông Phạm Chí L yêu cầu anh Ngụy Phan N và chị Nguyễn Thị H phải trả số tiền vay nợ 14.000.000đ, cả hai đều cư trú tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Về nội dung: Căn cứ giấy biên nhận ngày 30/01/2007 do ông Phạm Chí L xuất trình thì: vợ chồng anh Ngụy Phan N và chị Nguyễn Thị H vay của ông 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng chẵn*), trong giấy biên nhận ghi thời hạn trả và lãi xuất. Vì vậy đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi, thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản là ba năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại. Hết thời hiệu khởi kiện ông L mới khởi kiện tại Tòa án, vì thế khi giải quyết tranh chấp Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết lãi suất trong vụ án này (vì đã hết thời hiệu khởi kiện) mà chỉ xem xét giải quyết đối với số tiền cho vay (tiền gốc) theo hợp đồng vay tài sản như đã phân tích ở trên.

Trong Giấy biên nhận anh Ngụy Phan N ký ở mục **Người vay** còn chị Nguyễn Thị H ký ở mục **Người thừa kế** (của anh N). Như vậy tại thời điểm viết Giấy biên nhận cả ba người gồm: ông L, anh N và chị H đều có mặt, chị H biết việc anh N vay tiền ông L để nộp phí cho chị H đi xuất khẩu lao động, số tiền vay của ông L được sử dụng vào việc chung của vợ chồng chị H nên trách nhiệm trả nợ là của vợ chồng chị H chứ không phải của riêng anh N. Vì thế mặc dù ký ở mục **Người thừa kế** (của anh N) nhưng chị H vẫn phải chịu trách nhiệm cùng anh N trả nợ số tiền trên cho ông L. Do đó tư cách tham gia tố tụng trong vụ án này của chị Nguyễn Thị H là đồng bị đơn với anh Ngụy Phan N chứ không phải người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ông Phạm Chí L) đối với đồng bị đơn (anh Ngụy Phan N và chị Nguyễn Thị H) thì thấy:

- Giấy biên nhận và giấy gia hạn nợ do nguyên đơn xuất trình được đồng bị đơn thừa nhận đúng là chữ ký và chữ viết của mình, trong đó thể hiện đồng bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng chẵn*) vào ngày 30/01/2007. Vì vậy, xác nhận ngày 30/01/2007 đồng bị đơn vay của nguyên đơn 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng chẵn*).

- Đồng bị đơn cho rằng 14.000.000đ vay của nguyên đơn thực chất chỉ là ký giấy biên nhận chứ nguyên đơn không giao tiền cho đồng bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với đồng bị đơn, yêu cầu đồng bị đơn cũng cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh đồng bị đơn không vay nguyên đơn số tiền 14.000.000đ; hoặc các chứng cứ, tài liệu để đối trừ nghĩa vụ. Song các tài liệu đồng bị đơn cung cấp chỉ thể hiện chị Nguyễn Thị H đi Nga chứ không có nội dung nào khác. Ngoài ra đồng bị đơn cũng không xuất trình được các chứng cứ chứng minh việc nguyên đơn và đồng bị đơn thỏa

thuận về việc nguyên đơn thực hiện việc môi giới xuất khẩu lao động đối với chị H. Do đó lời khai này của đồng bị đơn là không có căn cứ.

- Các lời khai của đồng bị đơn thể hiện: Sau khi vay tiền của nguyên đơn, chị H đi Nga được hai tháng thì phải về nước và do nguyên đơn không thực hiện đúng theo thỏa thuận khi đưa chị Nguyễn Thị H đi xuất khẩu lao động nên không đồng ý trả lại tiền cho nguyên đơn là không có cơ sở. Vì tại thời điểm này thì đồng bị đơn đã không phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 14.000.000đ (nếu giữa hai bên có thỏa thuận về việc môi giới xuất khẩu lao động không thành). Nhưng ngày 28/10/2007 (sau khi chị H về khoảng tám tháng) thì anh Ngụy Phan N lại viết giấy xin gia hạn trả nợ cho nguyên đơn. Điều đó chứng minh lời khai của đồng bị đơn về việc thỏa thuận môi giới xuất khẩu lao động giữa hai bên là không có cơ sở.

- Việc đồng bị đơn cho rằng bị ép buộc khi viết giấy vay nợ và giấy gia hạn nợ, trong quá trình giải quyết vụ án: Ngoài lời khai của đồng bị đơn thì không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng việc ép buộc đó, hơn nữa tại phiên tòa anh N xác nhận khi viết giấy gia hạn nợ không gặp trực tiếp nguyên đơn mà do anh N tự viết và đưa cho mẹ đẻ của mình để đưa lại cho nguyên đơn. Vì thế, không có căn cứ chứng minh việc nguyên đơn ép đồng bị đơn viết giấy vay nợ và giấy gia hạn nợ.

- Tại 02 bản tự khai cùng ngày 29/5/2017 của đồng bị đơn có nội dung đưa cho nguyên đơn 34.000.000đ, nhưng tại đơn kiến nghị mà đồng bị đơn giao nộp ngày 17/7/2017 và tại biên bản hòa giải ngày 25/8/2017 lại có nội dung đưa cho nguyên đơn 22.000.000đ nhưng không có giấy giao nhận tiền, không có người làm chứng và nguyên đơn không thừa nhận. Điều đó đã thể hiện sự mâu thuẫn trong các lời khai của đồng bị đơn nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Chí L đối với đồng bị đơn anh Ngụy Phan N và chị Nguyễn Thị H. Buộc đồng bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng chẵn*).

Do các bên không thỏa thuận được về lãi suất chậm thi hành án nên lãi suất sẽ được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí: Vụ kiện xảy ra là hoàn toàn do lỗi của đồng bị đơn nên đồng bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 429, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 1 điều 184, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với đồng bị đơn.

2. Buộc anh Ngụy Phan N và chị Nguyễn Thị H phải trả cho ông Phạm Chí L số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng chẵn*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả thì hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Anh Ngụy Phan N và chị Nguyễn Thị H phải chịu 700.000đ đồng án phí DSST. Ông Phạm Chí L không phải chịu án DSST. Hoàn trả ông Phạm Chí L 350.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: AA/2010/000871 ngày 09/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, Bắc Giang.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, đồng bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP;

T /M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tân Thịnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Cường-Đào Xuân Thịnh.

Vũ Tân Thịnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP;

T /M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tân Thịnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Cường-Đào Xuân Thịnh.

Vũ Tân Thịnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

T /M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà